

**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI PHÂN LOẠI CHÀNG MẪU SƠN
HYLARANA MAOSONENSIS Bourret, 1937 (AMPHIBIAN: ANURA)
Ở KHU VỰC XÃ NA NGOI, HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

NGUYỄN THỊ LƯƠNG, HOÀNG XUÂN QUANG, ÔNG VĂN AN

Trường Đại học Vinh

Chàng mẫu sơn *Hylarana maosonensis* được Bourret mô tả lần đầu tiên năm 1937 khi nghiên cứu về lưỡng cư ở Bán đảo Đông Dương, dựa trên mẫu thu ở Mẫu Sơn (1.500m), Tam Đảo (900m). Năm 1981, Trần Kiên, Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc [2] ghi nhận thêm phân bố của loài này ở Hòa Bình và Ninh Bình. Thời gian sau đó, nghiên cứu ếch nhái, bò sát được tiến hành ở hầu khắp các vùng trong cả nước. Tuy nhiên, giới hạn xa nhất về phía Nam của loài từ Ninh Bình trở ra [7]. Trước đây Chàng mẫu sơn được xem là loài đặc hữu của Việt Nam, hiện nay đã xác định có phân bố mở rộng sang Lào [8].

Trong các đợt nghiên cứu khảo sát từ tháng 8/2010 đến tháng 2/2011 chúng tôi đã thu được mẫu của loài này tại khu vực xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đây là khu vực có độ cao trung bình trên 1.000m so với mặt biển, với các dãy núi chạy theo hướng Đông Nam. Phía Nam của khu vực giáp với Lào, dọc theo biên giới có các đỉnh núi cao từ 1.575m đến 2.348m, cao nhất là đỉnh Pu Xai Lai Leng 2.711m; theo hướng Đông Bắc. Các dãy núi tạo nên hệ thống các khe suối của Nậm Ca Nam đổ vào Nậm Mô (thượng nguồn sông Cả) ở Chiêu Lưu (Trương Dương, Nghệ An). Bài viết này giới thiệu đặc điểm hình thái phân loại của Chàng mẫu sơn *Hylarana maosonensis* dựa trên phân tích các mẫu vật thu được.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã tiến hành 3 đợt nghiên cứu tại khu vực xã Na Ngoi từ tháng 8/2010 - 2/2011: Đợt I: tháng 8/2010 ở độ cao 989 - 1.059m; Đợt II: tháng 11/2010, mẫu thu ở tọa độ 19,24341⁰N, 104,20124⁰E và 19,24013⁰N, 104,20802⁰E, độ cao 1.041 - 1.074m; Đợt III: tháng 2 năm 2011, tọa độ 19,24414⁰N, 104,20550⁰E; độ cao 1.029m. Tổng số có 28 mẫu đã phân tích. Mẫu vật bảo quản và lưu giữ trong cồn 70⁰ tại Phòng Thí nghiệm Động vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh.

Mẫu vật được định loại dựa vào các tài liệu [1, 2]. Tên khoa học của loài theo [8]. Các chỉ tiêu hình thái được đo bằng thước kẹp điện tử có độ chính xác đến 0,01mm. Các kí hiệu: *SVL*: Dài thân (từ nút mõm đến khe huyệt). *HL*: Dài đầu (từ nút mõm đến xương góc hàm). *HW*: Rộng đầu (bề rộng lớn nhất của đầu, thường là khoảng cách hai góc sau của hàm). *UEW*: Rộng mí mắt trên. *IOD*: Gian ổ mắt (khoảng cách nơi hẹp nhất giữa hai mí mắt trên). *ED*: Đường kính ổ mắt (chiều dài lớn nhất của ổ mắt). *IND*: Gian mũi (khoảng cách bờ trong hai lỗ mũi). *TD*: Dài màng nhĩ (chiều dài nhất lớn của màng nhĩ). *ESL*: Khoảng cách từ mõm - mắt. *END*: Khoảng cách từ mắt - mũi. *TED*: Khoảng cách từ màng nhĩ - mắt. *FLL*: Dài chi trước. *FFL*: Chiều dài ngón tay I. *TFL*: Chiều dài ngón tay III. *MKT*: Chiều dài củ bàn ngoài (chi trước). *FL*: Dài đuôi (từ khe huyệt đến khớp gối). *TL*: Dài ống chân (từ khớp gối đến cuối khớp ống - cổ chân). *FOT*: Dài bàn chân. *FTL*: Dài ngón I chi sau. *FFTL*: Dài ngón IV chi sau. *MTT*: Chiều dài củ bàn trong.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm hình thái phân loại

Mõm nhọn (đực) hoặc tù (cái), nút mõm vượt quá hàm dưới; gờ mõm rõ, vùng má rất lõm, hơi xiên. Lỗ mũi ở phía bên. Màng nhĩ rất rõ, đường kính màng nhĩ bé hơn đường kính mắt.

Răng lá mía, ngắn, nhỏ, xếp xiên, không chạm nhau và không chạm lỗ mũi trong, vượt lỗ mũi trong. Mấu hàm dưới rõ. Lưỡi dài và rộng, khuyết nông ở phía sau.

Đầu dài hơn rộng, HL/HW từ 1,06 lần (cái) đến 1,12 lần (đực). Đường kính mắt lớn hơn màng nhĩ từ 1,57 lần (đực) đến 1,60 lần (cái); lớn hơn chiều rộng mí mắt trên 1,47 lần (đực) - 1,62 lần (cái).

Chi trước dài, mảnh, ngón tay tự do, ngón I dài hơn ngón II, ngón III dài nhất, mút ngón tay tù, củ khớp dưới ngón rõ, củ bàn tay rõ. Cánh tay dài hơn ống tay 1,12 lần đối với con đực; 1,04 lần đối với con cái. Chi sau 3/4 màng, củ bàn trong rõ, có củ bàn ngoài. Khớp cổ chân chạm mõm, khớp cổ bàn vượt mõm.

Trên lưng nổi các nốt sần rõ, các nốt sần ở mặt trên đùi, ống chân ít và bé hơn, nếp bên lưng dày, rõ.

Màu sắc khi sống: Thân màu nâu nhạt với các đốm sẫm lớn. Chi sau có nhiều vết sẫm vắt ngang. Màng nhĩ rõ màu nâu. Hai bên sườn và phần đùi phía trước đùi có các chấm tròn đen lớn. Con người mắt hình bầu dục, viền con người có màu đỏ, phía trên 1/4 vòng con người mắt có màu vàng đỏ ánh. Bụng màu trắng bản, mặt dưới chi sau có các đốm đen rõ. Mẫu thu các tháng 11 và tháng 2 có màu sắc đậm hơn, các mẫu thu vào tháng 8 có màu nhạt hơn và các nốt sần ở con đực cũng ít nổi rõ hơn.

Các chỉ tiêu hình thái của Chàng mẫu sơn được thống kê ở Bảng 1, Bảng 2 và Hình 1.

Bảng 1

Các chỉ tiêu hình thái của Chàng mẫu sơn *Hylarana maosonensis*

Chỉ tiêu hình thái	Đực (n = 21)		Cái (n = 7)	
	TB ± SD	min - max	TB ± SD	min - max
SVL	37,95 ± 2,41	33,16 - 39,92	44,84 ± 34,34	40,21 - 50,28
HW	13,45 ± 0,57	12,06 - 14,25	15,94 ± 7,39	14,32 - 17,82
HL	15,09 ± 0,43	15,19 - 15,92	16,94 ± 8,02	15,18 - 19,26
UEW	3,64 ± 0,1	3,02 - 4,16	3,7 ± 1,46	3,21 - 4,3
IOD	3,58 ± 0,22	2,98 - 4,04	4,13 ± 1,53	3,7 - 4,72
ED	5,35 ± 0,12	4,44 - 6	5,93 ± 2,07	5,55 - 6,42
TD	3,43 ± 0,10	2,6 - 3,92	3,71 ± 1,34	3,24 - 4,1
ESL	5,88 ± 0,11	5,04 - 6,26	6,23 ± 2,29	5,54 - 6,66
IND	4,14 ± 0,05	3,67 - 4,51	4,51 ± 1,62	4,08 - 5,05
END	3,04 ± 0,10	2,61 - 3,5	3,48 ± 1,21	3,21 - 3,76
TED	1,28 ± 0,7	0,99 - 1,98	1,47 ± 0,51	1,32 - 1,58
FLL	8,47 ± 0,37	7,49 - 9,94	9,27 ± 3,42	8,15 - 10,28
Cẳng tay	7,54 ± 0,1	6,68 - 8,55	8,96 ± 3,66	7,72 - 9,97
FFL	3,9 ± 0,08	3,66 - 4,28	4,87 ± 2,16	3,72 - 5,6
TFL	6,19 ± 0,10	5,65 - 6,95	7,21 ± 2,8	6,32 - 8,05
MKT	1,94 ± 0,02	1,64 - 2,26	2,25 ± 0,82	1,82 - 2,55
FL	20,32 ± 1,16	17,82 - 21,78	23,62 ± 12,47	21,14 - 25,82
TL	21,23 ± 0,9	18,84 - 22,7	24,92 ± 13,29	22,01 - 27,22
Cẳng chân	10,07 ± 0,38	8,59 - 11,15	11,67 ± 5,01	10,04 - 12,81
FOT	21,33 ± 1,04	18,28 - 23	24,65 ± 12,52	21,3 - 27,95
FTL	3,44 ± 0,14	2,65 - 3,95	4,17 ± 1,84	3,39 - 5,06
FFTL	12,47 ± 0,69	10,84 - 13,88	14,59 ± 6,25	12,9 - 15,84
MTT	1,75 ± 0,6	1,23 - 2,2	2,12 ± 0,73	1,83 - 2,26

Tỉ lệ các số đo của Chàng mẫu sơn *Hylarana mausonensis*

Tỉ lệ	Đực (n = 21)		Cái (n = 7)	
	TB	min - max	TB	min - max
SVL/HL	2,49	1,78 - 2,65	2,65	2,55 - 2,74
EL/TYD	1,57	1,3 - 2,31	1,6	1,5 - 1,75
FL/TL	0,96	0,88 - 1,01	0,95	0,91 - 0,97

2. Sinh cảnh sống

Mẫu vật của loài thu ở rừng thứ sinh. Sống chủ yếu trong các các vũng nước lặn hoặc chảy chậm. Mẫu thu ở trên cây, trên đất, trong nước.



Cá thể cái



Miệng cá thể đực



Miệng cá thể cái



Cá thể đực (mặt lưng)



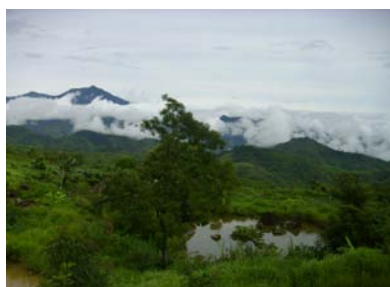
Cá thể đực (mặt bụng)



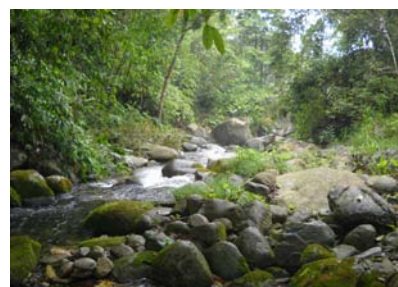
Mặt dưới
chi trước



Mặt dưới
chi sau



Bản Phù Khả, xã Na Ngòi



Khe Ka Dưới, Bản Ka Dưới, xã Na Ngòi

Hình 1: Một số hình ảnh về Chàng mẫu sơn *Hylarana mausonensis*

III. KẾT LUẬN

Chàng mẫu sơn *Hylarana mausonensis* ở khu vực nghiên cứu có phân bố ở độ cao 989 - 1.074m thuộc sinh cảnh rừng thứ sinh, trong các vũng nước lặn hoặc chảy yếu.

Kết quả nghiên cứu bổ sung vùng phân bố của loài đến Nghệ An (Kỳ Sơn), đây cũng là giới hạn phía Nam của loài ở Việt Nam hiện biết cho đến thời điểm này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bourret R.**, 1942: Batraciens de l'Indochine, Gouv, Gén, Indoch, Hanoi.
2. **Đào Văn Tiến**, 1977: *Tạp chí Sinh vật - địa học*, XV (2): 33 - 40, Hà Nội.
3. **Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngự Thảo, Andrew G. J., Cao Tiến Trung, Hồ Anh Tuấn, Chu Văn Dũng**, 2008: Éch nhái, Bò sát ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống.
4. **Lê Nguyên Ngật, Hoàng Xuân Quang**, 2000: *Tạp chí Sinh học*, 23(3b): 59 - 65, Hà Nội.
5. **Nguyễn Văn Sáng, Hoàng Xuân Quang**, 2000: *Tạp chí Sinh học*, 22(15): 15- 23, Hà Nội.
6. **Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc**, 1996: Danh lục bò sát và ếch nhái Việt Nam.
7. **Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường**, 2005: Nhận dạng một số bò sát ếch nhái Việt Nam.
8. **Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong**, 2009: Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira, Frankfurt am Main.
9. **Orlov N. L. et al.**, 2002: *Russian journal of Herpetology*, 9 (2): 81 - 104.
10. **Trần Kiên, Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc**, 1981: Kết quả điều tra cơ bản bò sát - ếch nhái miền Bắc Việt Nam (1956 - 1976).

MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF MAU SON FROG *HYLARANA MAOSONENSIS* Bourret, 1937 (AMPHIBIAN: ANURA) IN NA NGOI VILLAGE, KY SON DISTRICT, NGHE AN PROVINCE

NGUYEN THI LUONG, HOANG XUAN QUANG, ONG VINH AN

SUMMARY

The article presented the results on the morphological characteristics of maoson frog *Hylarana maosonensis* Na Ngoi village, Ky Son district, Nghe An province. In the study area, *Hylarana maosonensis* distributed at altitude from 989 to 1.074m, in secondary forest habitats. Specimens were collected in the calm waters or low flow. Results showed Ky Son (Nghe An) was the new southern limit of distribution of Mau Son frog in Vietnam up to now.